

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ TRUNG HIẾU

**NGHIÊN CỨU TƯƠNG ĐƯƠNG DỊCH THUẬT
CÁC PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN ANH-VIỆT
(QUA SO SÁNH NGUYÊN BẢN TÁC PHẨM “GONE WITH THE WIND”
VÀ 2 BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT)**

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu

Mã số: 62 22 02 41

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Hồng Côn

Hà Nội - 2021

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Hồng Côn

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp cơ sở đào tạo họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Vào hồi giờ ngày thángnăm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Dịch thuật đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội và giao lưu văn hoá của con người, là chiếc cầu nối giúp con người vượt qua những khác biệt về ngôn ngữ và văn hoá. Mặt khác, xét từ góc độ ngôn ngữ học, dịch thuật trước hết là một hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ - giao tiếp liên ngữ, vì vậy, dịch thuật được coi là đối tượng quan tâm của ngôn ngữ học. Thực tế nghiên cứu cho thấy chất lượng của bản dịch phụ thuộc vào tương đương dịch thuật được lựa chọn, phương pháp dịch thuật được sử dụng, và các nhân tố văn hoá- xã hội liên quan đến quá trình dịch một tác phẩm.

Chúng tôi chọn các phát ngôn cầu khiến (PNCK) làm đối tượng nghiên cứu chính vì trong quá trình giao tiếp, các phát ngôn này có khả năng tiềm tàng nguy cơ làm mất thể diện người đối thoại. Việc chọn hai dịch giả khác nhau về giới tính, vùng miền và thời gian dịch tác phẩm (DT: dịch giả nam, người miền Bắc, dịch tác phẩm năm 1987; Vũ Kim Thư: dịch giả nữ, người miền Nam, dịch tác phẩm trước năm 1975) sẽ cho chúng tôi cái nhìn đa chiều về cách chuyển dịch các PNCK Anh – Việt. Bên cạnh đó, chúng tôi chọn hướng nghiên cứu tương đương dịch thuật trong tác phẩm văn học vì những khoảng trống trong dịch thuật văn học ở Việt Nam cũng là vấn đề đáng được bàn đến.

Với những lí do nêu trên, việc nghiên cứu so sánh tương đương dịch thuật các PNCK Anh – Việt là một đề tài rất có ý nghĩa và cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tương đương dịch thuật các PNCK Anh – Việt thể hiện qua nguyên bản tác phẩm “Gone with the wind” và hai bản dịch tiếng Việt của Dương Tường và Vũ Kim Thư.

Về phạm vi nghiên cứu, chúng tôi khảo sát các PNCK chính danh và không chính danh trong các nhóm cầu khiến cạnh tranh và cầu khiến hòa đồng trong toàn tác phẩm. Tuy nhiên, do số lượng và kiểu loại các PNCK khá lớn, chúng tôi giới hạn điển cứu tiểu nhóm Ra lệnh (Order) và tiểu nhóm Rủ (Suggest).

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

3.1 Mục đích nghiên cứu

- Góp phần làm sáng tỏ thêm bản chất của tương đương dịch thuật nói chung và khả năng dịch tương đương các PNCK Anh - Việt nói riêng.
- Chỉ ra sự ảnh hưởng của các nhân tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (giới tính, ngôn ngữ và văn hoá vùng miền, hoàn cảnh sống) đối với việc lựa chọn cách chuyển dịch của dịch giả.
- Hỗ trợ cho việc dạy và học cách dịch các PNCK từ tiếng Anh sang tiếng Việt, góp phần nâng cao khả năng so sánh, đánh giá chất lượng bản dịch văn học Anh-Việt cho sinh viên Việt Nam học tiếng Anh.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu và xác lập cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu tương đương dịch thuật các PNCK Anh – Việt.
- Khảo sát (thống kê, phân loại) và mô tả các PNCK tiếng Anh được dùng trong nguyên bản tác phẩm “Gone with the wind”.

- Khảo sát cách chuyển dịch các PNCK tiếng Anh sang tiếng Việt qua các bản dịch của DT và VKT.
- So sánh cách chuyển dịch các PNCK trong các bản dịch của DT và VKT để thấy rõ những ưu điểm và hạn chế trong cách chuyển dịch của hai dịch giả.
- Tìm hiểu các nhân tố chi phối dịch tương đương và những hạn chế trong việc chuyển dịch các PNCK Anh – Việt ở hai bản dịch hữu quan.

4. Phương pháp nghiên cứu và ngữ liệu

4.1 Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài, luận án đã sử dụng các phương pháp miêu tả, phân tích diễn ngôn và phương pháp so sánh cùng một số thủ pháp nghiên cứu khác (như phân loại, thống kê, phân tích ngữ cảnh và ngôn ngữ học xã hội).

4.2 Ngữ liệu nghiên cứu

- Nguyên bản tác phẩm “Gone with the Wind” của tác giả Margaret Mitchell được nhà xuất bản Macmillan phát hành lần đầu năm 1936, Pan Macmillan tái bản vào năm 2014.
- Bản dịch “Cuốn theo chiều gió” của dịch giả Dương Tường, xuất bản lần đầu năm 1987 tại miền Bắc, Nhà xuất bản Hội Nhà văn tái bản vào tháng 1 năm 2009
- Bản dịch “Cuốn theo chiều gió” của dịch giả Vũ Kim Thư, xuất bản lần đầu trước năm 1975 tại miền Nam, Nhà xuất bản Văn học tái bản vào tháng 1 năm 2016
- 833 PNCK tiếng Anh được thống kê trong toàn bộ tác phẩm

5. Ý nghĩa của luận án

5.1 Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý thuyết về tương đương dịch thuật nói chung và phương pháp dịch tương đương các PNCK Anh – Việt nói riêng, đồng thời cũng đóng góp cho việc nghiên cứu dịch thuật văn bản nghệ thuật (văn học) nước ngoài sang tiếng Việt.

5.2 Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu về dịch thuật, dịch văn học từ tiếng nước ngoài và là nguồn tham khảo hữu ích cho việc dạy, học môn dịch thuật trong dạy và học Anh ngữ hiện đại. Hơn nữa, kết quả nghiên cứu còn hữu dụng trong thực tế ứng dụng các PNCK để đạt được mục đích câu khiến phù hợp trong giao tiếp.

6. Điểm mới của luận án

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu PNCK theo cách tiếp cận mới này chỉ mới xuất hiện trên mười năm nay và được nhiều người quan tâm đến. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào về PNCK trong tác phẩm văn học tiếng Anh liên hệ với bản dịch tiếng Việt. Cũng có tác giả chọn cùng nguyên tác và bản dịch để đối chiếu tương đương dịch thuật, nhưng hướng khai thác của chúng tôi tập trung vào các PNCK Anh – Việt trong văn bản gốc và hai bản dịch của hai tác giả.

Bên cạnh đó, cũng có tác giả tập trung nghiên cứu các loại câu cầu khiến đích thực trong tiếng Việt, có ngôn ngữ trung là cầu khiến; đồng thời cũng sử dụng những câu có hình thức là cầu khiến nhưng ngôn ngữ không

phải là câu khiến, so sánh đối chiếu chúng với những câu cầu khiến đích thực. Đây cũng là hướng đi chúng tôi đang quan tâm nhưng sẽ khai thác cụ thể hơn trong luận án của mình với hình thức PNCK trực tiếp và gián tiếp, so sánh giữa tiếng Anh và hai bản dịch tiếng Việt của hai dịch giả khác nhau để tìm ra điểm giống nhau và khác nhau. Đây cũng là điểm mới của luận án mà chưa được các nhà nghiên cứu trước đó quan tâm.

7. Bố cục của luận án

- Chương 1 trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu về dịch thuật và dịch thuật Anh – Việt, cơ sở lý thuyết liên quan đến dịch thuật, tương đương dịch thuật, PNCK và một số vấn đề lý thuyết khác liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- Chương 2 khảo sát và phân loại các PNCK tiếng Anh trong nguyên bản tác phẩm “Gone with the wind” theo sự khác biệt về mức độ đe dọa thể diện và mức độ trực tiếp – gián tiếp.

- Chương 3 khảo sát cách chuyển dịch các PNCK tiếng Anh sang tiếng Việt qua bản dịch của DT.

- Chương 4 khảo sát cách chuyển dịch sang tiếng Việt các PNCK tiếng Anh trong nguyên bản tác phẩm “Gone with the wind” theo sự khác biệt về mức độ đe dọa thể diện và mức độ trực tiếp – gián tiếp qua bản dịch của VKT.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1 Tình hình nghiên cứu về dịch thuật và dịch thuật Anh - Việt

1.1.1.1 Tình hình nghiên cứu về dịch thuật

Trong vòng hơn nửa thế kỉ qua, thực tế nghiên cứu cho thấy, các nghiên cứu về dịch thuật trên thế giới và Việt Nam đã xuất hiện và phát triển cùng với sự phát triển của nhiều ngành khoa học khác nhau, đặc biệt là ngôn ngữ học, dưới sự ảnh hưởng của nhiều khuynh hướng và nhiều trường phái lý thuyết ngôn ngữ học khác nhau: từ lý thuyết ngữ pháp cải biến – tạo sinh của N. Chomsky, chức năng luận Praha của Jakobson (1959), lý thuyết ngữ pháp phân cấp của Halliday đến lý thuyết hoạt động giao tiếp trong dịch thuật của Nida & Taber (1969) và Svejcer (1987). Trên bình diện ngữ dụng học, có thể kể đến các công trình của Blum-Kulka (1986) và Hatim & Mason (1991). Gần đây, Hartmann (1980) và Gutt (1991) lại hướng người đọc nhiều về lý thuyết dịch văn bản, bản dịch phải đi xa hơn cấp độ văn bản, hướng đến khám phá và đạt được tính giao tiếp (*communicative interaction*), phải dịch được cái mà người đọc bản dịch quan tâm. Quan điểm này đã được Peter Newmark (1995) phát triển ở một góc độ cụ thể hơn. Từ những phân tích trên đây, có thể nói, cách tiếp cận theo hướng giao tiếp là cách tiếp cận phổ biến nhất hiện nay trong các công trình nghiên cứu về dịch thuật trên thế giới.

Ở Việt Nam, cùng với sự phát triển của thực tiễn dịch thuật, ngay từ những thế kỷ trước, việc nghiên cứu về dịch thuật đã thu hút sự chú ý của nhiều dịch giả, nhiều nhà văn cũng như các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, văn học. Đặc biệt, Lê Quang Thiêm (1989) lần đầu tiên đã bàn luận đến một số vấn đề về lý luận dịch thuật trong công trình “Đối chiếu các ngôn ngữ”. Gần đây, có rất nhiều tác phẩm nghiên cứu về dịch thuật khác được chúng tôi tổng hợp theo trình tự thời gian và làm tài liệu tham khảo cho nội dung luận án về dịch thuật nói chung. Có thể kể đến Nguyễn Thượng Hùng (2005), Nguyễn Hồng Cẩn (2001, 2004, 2005, 2006), ... Hơn

nữa, không thể không kể đến những đóng góp của Hoàng Văn Vân (2005), Lê Hùng Tiến (2007) hay Lưu Trọng Tuấn (2008). Nhìn chung, những đóng góp của các tác giả rất đáng ghi nhận và làm phong phú thêm cho lý thuyết dịch thuật nước nhà.

1.1.1.2. Tình hình nghiên cứu dịch thuật Anh – Việt

Ứng dụng các lý thuyết về dịch thuật, với tư cách là đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học trong lý luận và thực tiễn, về gần đương thời, ở Việt Nam đã xuất hiện rất nhiều nghiên cứu về dịch Anh – Việt như của Nguyễn Quốc Hùng (2005), Lê Hùng Tiến (2007). Trong vòng 20 năm qua, có đến hàng chục luận văn, luận án nghiên cứu về dịch các kiểu câu, hành động ngôn từ, từ ngữ văn hóa hay thuật ngữ chuyên ngành... từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong đó, chủ yếu là các luận án tiến sĩ ngành ngôn ngữ học và ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu như Cán Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Hà (2007), Võ Tú Phương (2011). Nghiên cứu về từ ngữ văn hóa, có thể kể đến đề tài của Kiều Phương Nga (2007); về dịch các thuật ngữ chuyên ngành như Lưu Trọng Tuấn (2008) và Nguyễn Thị Bích Hương (2014); về dịch thuật các kiểu câu Anh – Việt, các tác giả như Trần Thu Hiền (2009) và Hoàng Công Bình (2015) đã có các công trình được đánh giá. Về dịch văn học và thơ ca, luận án tiến sĩ ngữ văn của Trịnh Thị Thơm (2014), luận án về “Nghiên cứu đánh giá phê bình bản dịch Anh-Việt trong lĩnh vực văn học (văn xuôi)” của Phạm Thị Thủy (2015) hay luận án của Trịnh Thu Hằng (2019) cũng là những công trình có ý nghĩa trong lĩnh vực dịch văn học. Gần đây, Đoàn Thúy Quỳnh (2019) trong “Đặc điểm của dịch ca khúc và bản dịch ca khúc Anh – Việt” đã đặc biệt quan tâm tới dịch loại hình ngôn bản phục vụ cho đời sống tinh thần của con người, đó là ca khúc.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã quan tâm và đi sâu vào các khía cạnh của dịch thuật nói chung và dịch thuật Anh – Việt nói riêng cũng như trong các bản dịch văn học.

1.1.2 Tình hình nghiên cứu về phát ngôn cầu khiến và dịch thuật phát ngôn cầu khiến Anh – Việt

1.1.2.1. Tình hình nghiên cứu phát ngôn cầu khiến trong tiếng Anh và tiếng Việt

Tình hình nghiên cứu về câu/phát ngôn cầu khiến tiếng Anh

Trong tiếng Anh, các PNCK thường được nghiên cứu theo hai hướng: 1) Từ góc độ ngữ pháp, PNCK là một trong bốn kiểu câu được phân loại như trong ngôn ngữ học truyền thống; 2) Từ góc độ ngữ dụng, PNCK là các phát ngôn biểu hiện hành động ngôn từ cầu khiến.

Thực tế, rất nhiều các nghiên cứu về cầu khiến được thực hiện bằng các ngôn ngữ khác nhau, tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu về PNCK, nổi bật nhất cần chú ý đến là công trình nghiên cứu “Lời yêu cầu và lời xin lỗi trong giao thoa ngữ dụng học” được thực hiện tại bảy vùng lãnh thổ khác nhau bởi tác giả Blum-Kulka và các cộng sự (1989).

Tình hình nghiên cứu về câu/phát ngôn cầu khiến Tiếng Việt

Trong lịch sử nghiên cứu tiếng Việt, vấn đề câu cầu khiến đã được bàn luận khá nhiều. Tuy nhiên, các nhà ngôn ngữ học thuộc các khuynh hướng khác nhau lại không thống nhất cùng quan điểm. Theo quan điểm của các nhà ngữ pháp học truyền thống, các nhà Việt ngữ học thường chú ý đến cả hai mặt hình thức lẫn nội dung, chứ không tuyệt đối hóa mặt hình thức. Trái lại, trên quan điểm ngữ dụng học, một số nhà ngôn ngữ học

tiêu biểu là Hồ Lê (1989), Cao Xuân Hạo (1991), Đỗ Hữu Châu (1993), Nguyễn Thiện Giáp (1999, 2000), Nguyễn Đức Dân (2000) phân loại các phát ngôn theo hành động ngôn trung.

Tác giả Đào Thanh Lan cũng dành nhiều công trình nghiên cứu đề tài cầu khiến. Trong đó, các công trình nghiên cứu về các vị từ tình thái (nên, cần, phải; mong muốn...) trong câu cầu khiến (2004) và chuyên khảo “Ngữ pháp ngữ nghĩa của lời cầu khiến tiếng Việt” (2010) là các công trình rất có ý nghĩa của tác giả trong ngành ngôn ngữ học.

Gần đây, một số công trình nghiên cứu có giá trị về các mặt cụ thể của PNCK như: Về bình diện phương tiện biểu hiện có thể kể đến nghiên cứu về hành động thỉnh cầu - so sánh giữa tiếng Anh và tiếng Việt (Nguyễn Văn Độ). Ngoài ra, các công trình nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Chi (1998); Vũ Thị Thanh Hương (1999), Chu Thị Thủy An (2002), Phạm Thùy Chi (2006) cũng cho cái nhìn khái quát về câu/ PNCK tiếng Việt và các vấn đề liên quan. Dưới đây, luận án nghiên cứu về cầu khiến dưới góc độ ngữ dụng học nên sẽ thống nhất gọi là PNCK.

1.1.2.2. Tình hình nghiên cứu dịch thuật phát ngôn cầu khiến Anh – Việt

Về vấn đề dịch thuật PNCK, cũng có nhiều công trình nghiên cứu về PNCK tiếng Anh, so sánh đối chiếu với PNCK tiếng Việt. Có thể kể đến luận án của Trần Chi Mai (2005), Hà Cẩm Tâm (2005), Nguyễn Thị Phương Thảo (2010), Trần Thị Phương Linh (2012), Nguyễn Huỳnh Lâm (2016) và Phạm Thùy Chi (2006).

1.2 Cơ sở lý luận

1.2.1 Dịch thuật và các vấn đề liên quan

1.2.1.1 Các quan niệm về dịch thuật và nghiên cứu dịch thuật

Theo quan điểm truyền thống, dịch thuật là một tiến trình chuyển dịch từ ngữ và ý nghĩa từ một văn bản của ngôn ngữ này sang một văn bản sử dụng ngôn ngữ khác, từ ngôn ngữ gốc, ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Luận án có tham khảo các quan niệm của Nida & Taber (1974), Peter Newmark (1995), Cao Xuân Hạo (2005), Nguyễn Hồng Cồn (2006). Luận án quan niệm thuật ngữ dịch thuật (translation) được dùng với ba nghĩa được trình bày dưới đây: (i) *nghĩa thứ nhất chỉ sản phẩm của quá trình dịch thuật*; (ii) *nghĩa thứ hai chỉ bản thân quá trình dịch thuật*; (iii) *nghĩa thứ ba chỉ hoạt động dịch thuật nói chung, bao gồm cả quá trình dịch thuật và sản phẩm dịch thuật*. Lịch sử nghiên cứu dịch thuật đề cập đến 4 mô hình lý thuyết dịch thuật chính, đó là mô hình của Roger Thomas Bell, Peter Newmark, J.C Catford và Eugene A.Nida. Trong luận án, các mô hình lý thuyết này được chúng tôi trình bày cụ thể và chi tiết.

1.2.1.2 Tương đương dịch thuật và các kiểu tương đương dịch thuật

Trong vòng hơn nửa thế kỉ qua, vấn đề tương đương dịch thuật vẫn đang nhận được nhiều sự quan tâm từ các dịch giả và các nhà ngôn ngữ. Đã có rất nhiều tác giả bàn đến tương đương trong dịch thuật, đặc biệt là khi các tác giả bàn đến bản dịch trong quá trình đánh giá bản dịch đó, so sánh đối chiếu bản dịch với bản gốc. Luận án ứng dụng các kết quả nghiên cứu của Snell-Hornby & Gentzler (1988), Lê Quang Thiêm (1989), Nguyễn Hồng Cồn (2001), Lê Hùng Tiến (2010). Xét theo sự có mặt/vắng mặt của 4 bình diện tương đương cơ bản (*ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng*), chúng tôi đồng tình với quan điểm của Nguyễn Hồng

Còn, trong đó phân chia quan hệ tương đương giữa các đơn vị dịch thuật thành 2 nhóm lớn với 6 kiểu đơn vị tương đương.

1.2.1.2. Các phương pháp và thủ pháp dịch thuật

Các nhà ngôn ngữ học đã có nhiều nghiên cứu về phương pháp dịch thuật, điển hình là House (2001), Catford (1965) và Newmark (1998). Ở Việt Nam, các tác giả như Đỗ Hữu Châu (1993), Nguyễn Thượng Hùng (2004), Cao Xuân Hạo (2005), Nguyễn Phước Vĩnh Cố và Ngô Trần Ái Diễm (2012) có những đóng góp đáng kể. Kế thừa lý luận về dịch thuật của các nhà nghiên cứu trên thế giới và trong nước, Nguyễn Hồng Côn (2005) đề xuất 5 phương pháp dịch thường gặp trong dịch Anh – Việt, gồm *Dịch nguyên văn*; *Dịch nghĩa*; *Dịch thông báo*; *Dịch tự do*; *Phỏng dịch* và các thủ pháp dịch câu như *dịch từng từ*, *dịch thay đổi từ*, *thêm hoặc bớt từ ngữ*, *tách*, *nhập hoặc hoán chuyển cấu trúc* và *chuyển một câu của ngữ nguồn thành một câu thành ngữ hoặc có tính thành ngữ ở ngữ đích*.

1.2.2. Hành động cầu khiến và phát ngôn cầu khiến

1.2.2.1. Hành động cầu khiến

a) Khái niệm hành động cầu khiến

Hành động cầu khiến (HĐCK) là một loại hành động yêu cầu người nghe thực hiện hành động của mình nêu ra hoặc mong muốn người nghe cho phép mình được thực hiện hành động.

b) Phân loại hành động cầu khiến

Khái quát lại có thể thấy hai cách phân loại chính: căn cứ vào ý nghĩa cầu khiến hoặc căn cứ vào hình thức biểu hiện cầu khiến để phân loại HĐCK tiếng Việt. Theo Vũ Thị Thanh Hương (2000), HĐCK “là loại hành vi ngôn từ được người nói sử dụng nhằm điều khiển người nghe hành động theo chủ ý của mình”. Căn cứ vào mức lợi thiệt mà người nói và người nghe nhận được, có thể chia thành cầu khiến cạnh tranh (khiến cao) và cầu khiến hòa đồng (cầu cao).

Thứ hai là cách phân loại HĐCK dựa vào hình thức biểu hiện. Hướng phân loại hành động ngôn trung theo hình thức biểu hiện thường dựa trên cơ sở mô hình cấu trúc đặc trưng của nó mà dụng học gọi là biểu thức ngôn hành. Theo Đào Thanh Lan (2012), chúng tôi chia HĐCK ra thành hai loại là HĐCK trực tiếp và HĐCK gián tiếp. Như vậy, HĐCK trực tiếp là HĐCK có thể được thể hiện một cách trực tiếp bằng cách sử dụng PNCK có mục đích giao tiếp cầu khiến.

Ví dụ: (1) Im! Tôi đang cầu hôn cô! (VKT, chương 47: 289)

HĐCK gián tiếp là HĐCK được thể hiện một cách gián tiếp thông qua một hành động ngôn trung khác như hỏi, trần thuật, cảm thán mà có mục đích giao tiếp cầu khiến

Ví dụ: (2) Đóng cửa lại được không? (VKT, chương 47: 283)

c) Phân biệt hành động ngôn từ cầu khiến với một số hành động ngôn từ khác (hỏi, biểu cảm...)

Trong các ngôn ngữ biến hình, ý nghĩa cầu khiến của HĐCK được gắn với phạm trù ngữ pháp thức (mood). Thức mệnh lệnh biểu thị nguyện vọng của người nói đối với việc thực hiện hành động. Ý nghĩa cầu khiến trong các ngôn ngữ này thường được xác định bằng các dấu hiệu hình thức. Chẳng hạn, trong tiếng Anh

nó được đặc trưng bằng sự vắng mặt của chủ ngữ, động từ ở nguyên dạng, không có từ tình thái cũng như những phương tiện đánh dấu thời, thể đi kèm.

Ví dụ:

(3) Tell me (973): *Nói tôi nghe nào (DT, 758)*

1.2.2.2 Phát ngôn cầu khiến

a) Phát ngôn

Về khái niệm, *phát ngôn* gọi theo hệ thuật ngữ của Chomsky là thành phẩm (*inscriptions*), nghĩa là chuỗi các kí hiệu được ghi lại trong một loại phương tiện vật chất nào đó.

Phát ngôn (Utterance) và hành động ngôn từ (Speech Act)

Thuật ngữ “*phát ngôn*” có thể được dùng để chỉ hoặc chính quá trình (hoặc hoạt động) *phát ngôn* ra câu nói hoặc chính sản phẩm của quá trình (hoặc hoạt động) ấy. *Hành động ngôn từ (speech acts)* là hành động được thực hiện bằng phương tiện ngôn từ. Khi nói ra một *phát ngôn* thì đồng thời cũng là thực hiện ngay hành động đó trong *phát ngôn*, đó chính là *phát ngôn ngôn hành (câu ngôn hành)*.

b) Khái niệm phát ngôn cầu khiến

PNCK là các *phát ngôn biểu thị HĐCK* và phân loại PNCK chính danh là *phát ngôn biểu thị HĐCK trực tiếp* và PNCK không chính danh là *phát ngôn biểu thị HĐCK gián tiếp* như theo cách gọi của Đào Thanh Lan (2012).

c) Nhận diện phát ngôn cầu khiến

HĐCK trực tiếp là dấu hiệu nhận diện của một PNCK chính danh. Còn PNCK không chính danh không trực tiếp cầu khiến tiếp ngôn thực hiện hành động mà chủ ngôn muốn, nên không có tính áp đặt, bắt buộc tiếp ngôn thực hiện như PNCK trực tiếp.

d) Phân loại các phát ngôn cầu khiến

Các dấu hiệu nhận biết phát ngôn cầu khiến chính danh

- Nhận biết bằng vị từ ngôn hành cầu khiến (Vnhck)
- Nhận biết bằng Vtck *hãy, đừng, chớ*
- Nhận biết bằng nhóm tiểu từ tình thái cầu khiến có vị trí cuối lời: “*đi, với, xem, đã, thôi, nào, nhé*”
- Nhận biết bởi khả năng kết hợp giữa Vtck và tiểu từ tình thái cầu khiến trong *phát ngôn*
- Nhận thức bằng biểu thức gồm vị từ kèm theo ngữ điệu cầu khiến (ngữ điệu nhấn mạnh nhấn vào vị từ)
- Nhận biết bằng nhóm vị từ cầu khiến: *nên, cần, phải*
- Nhận biết bằng các vị từ hành động: *để, giúp, hộ, cho*
- Nhận biết bằng các vị từ cầu khiến *mong, muốn, cần*

Theo quan điểm dụng học, phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung trực tiếp là một biểu thức chứa vị từ ngôn hành có từ trở chủ ngôn là danh/đại từ ở ngôi thứ nhất (D1) đứng trước vị từ ngôn hành (Vnh) và từ trở tiếp ngôn là danh/ đại từ ngôi thứ hai (D2) đứng sau vị từ ngôn hành. Biểu thức này gọi tên một cách hiển ngôn hành động ngôn trung đang thực hiện theo mô hình chung mà người viết quy ước là kiểu 1 (K1):

$$\mathbf{K1} = \mathbf{D1} + \mathbf{Vnh} + \mathbf{D2} + \mathbf{V(p)}$$

Ví dụ: (4) *Tôi không muốn cô di chuyển.* (DT, 481)

D1 Vnh D2 V

Hay kiểu 2 (K2):

K2= D2 + hãy/ đừng, chớ + V(p)

Ví dụ: (5) *Cô Pitty, cô đừng khóc.* (DT, 294)

D2 V

Nhận biết phát ngôn cầu khiến chính danh

- Phát ngôn hỏi – cầu khiến: (6) *Ông có vui lòng để tôi yên...?* (DT, 281)
- Phát ngôn trần thuật – cầu khiến: (7) *Chị giao nó cho em.* (VKT, chương 61: 456)
- Phát ngôn cảm thán – cầu khiến: (8) *Lạnh quá!*

1.2.3. Giới thiệu về tác phẩm “*Gone with the wind*” và các bản dịch tiếng Việt

1.2.3.1. Tác phẩm “*Gone with the wind*”

“*Gone with the Wind*” là cuốn tiểu thuyết duy nhất của nữ tác giả Margaret Mitchell, xuất bản lần đầu năm 1936. Câu chuyện được đặt bối cảnh tại Georgia và Atlanta, miền Nam Hoa Kỳ trong suốt thời kì nội chiến và thời tái thiết. Nhân vật chủ yếu của cuốn tiểu thuyết hơn một nghìn trang là Scarlett O'Hara.

1.2.3.2. Các bản dịch tiếng Việt của “*Gone with the wind*”

Trong luận án, chúng tôi có đề xuất so sánh bản gốc “*Gone with the wind*” với hai bản dịch của hai dịch giả - Vũ Kim Thư và Dương Tường. VKT dịch “*Cuốn theo chiều gió*” trước năm 1975 và đã dịch rất thành công ở Miền Nam. Bản dịch của VKT trong luận án này là bản tái bản vào tháng 1 năm 2016 của nhà xuất bản Văn học. Bản dịch của DT xuất bản đầu tiên năm 1987-1988 của nhà xuất bản Văn học Hà Nội. Bản in đầu tiên gồm có 4 tập, sau đó tái bản còn 2 tập. Bản dịch của DT trong luận án này là bản tái bản vào tháng 1 năm 2009 của Nhà xuất bản Hội Nhà văn.

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT CÁC PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN TIẾNG ANH TRONG NGUYÊN BẢN "GONE WITH THE WIND"

2.1. Tình hình sử dụng các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong “*Gone with the wind*”

Trong mục này, chúng tôi nhận diện các PNCK tiếng Anh trong tác phẩm thông qua các tiêu chí nhận diện cụ thể và thống kê tần suất sử dụng các kiểu PNCK tiếng Anh khác nhau.

2.1.1 Nhận diện các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh được sử dụng trong “*Gone with the wind*”

2.1.1.1 Tiêu chí nhận diện các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong “*Gone with the wind*”

Tiêu chí nhận diện

Trong luận án này, để nhận diện PNCK tiếng Anh trong nguyên bản, chúng tôi dựa trên ba tiêu chí: 1) Hình thức biểu hiện (có biểu thức ngôn hành cầu khiến), 2) Nội dung cầu khiến (có đích ngôn trung cầu khiến) và 3) Ngữ cảnh sử dụng (quan hệ giữa người nói và người nghe và phản ứng của người nghe).

2.1.1.2 Kết quả nhận diện

Như vậy, theo tiêu chí 1), tất cả các phát ngôn có dấu hiệu ngôn hành cầu khiến được coi là PNCK, tiêu chí (2) và (3) giúp chúng tôi nhận diện các PNCK không có dấu hiệu ngôn hành cầu khiến. Tuy nhiên các phát ngôn này thể hiện HĐCK gián tiếp có đích ngôn trung cầu khiến và dựa vào ngữ cảnh có thể suy ý ra mục đích cầu khiến nên được coi là PNCK. Các phát ngôn đáp ứng cả 3 tiêu chí 1), 2) và 3) đều có điểm chung là đều có hình thức là câu cầu khiến và khác nhau về hình thức của Head Act.

2.1.2 Phân loại và thống kê các kiểu phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong “Gone with the wind”

2.1.2.1. Các phát ngôn cầu khiến khác nhau về mức độ đe dọa thể diện

Theo phân tích, số các PNCK cạnh tranh nhiều hơn gấp 6,64 lần so với các PNCK hòa đồng trong toàn bộ tác phẩm. Xét về mức độ đe dọa thể diện, các PNCK mang tính đe dọa thể diện cao được sử dụng với tần suất rất lớn so với các PNCK mang tính đe dọa thể diện thấp thuộc nhóm PNCK hòa đồng.

2.1.2.2 Các kiểu phát ngôn cầu khiến khác nhau về chiến lược cầu khiến (trực tiếp - gián tiếp)

Số liệu hống kê cho thấy các PNCK tiếng Anh thuộc CLCK trực tiếp chiếm đến 80,8 % so với tổng số PNCK của toàn tác phẩm, trong khi đó số các PNCK thuộc CLCK gián tiếp ít hơn hẳn chỉ chiếm chưa đến 20% tổng số.

2.2. Hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong tác phẩm “Gone with the wind”

2.2.1 Khái quát về hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong “Gone with the wind”

Chúng tôi tổng hợp và phân loại các loại PNCK tiếng Anh khác nhau trong nguyên dựa vào hình thức biểu hiện (mức độ trực tiếp – gián tiếp) theo mô hình cấu trúc chính như sau:

HEAD ACT (+ alerters) (+supportive moves) (+ internal modification).

Rút gọn như sau: **Head-Act (+a) (+b) (+c)**

Qua khảo sát, chúng tôi tổng hợp được 833 PNCK trong tiếng Anh theo mô hình của Blum Kulka, trong đó Head Act được coi là thành phần cốt lõi của một PNCK.

2.2.1.1 Hình thức biểu hiện của Hành động chính (Head Act)

Hành động chính (Head Act) trong phát ngôn là thành phần chính và là yếu tố tối thiểu để nhận diện PNCK và có thể chỉ được sử dụng bởi người nói trong tất cả các phát ngôn của nhân vật.

2.2.1.2 Hình thức biểu hiện của các yếu tố hỗ trợ

a) Các dấu hiệu gây chú ý (Alerters) (a) trong PNCK

Alerters (a) bao gồm những thành phần có thể đứng trước hoặc sau Head Act như các biểu thức formulaic expressions (ví dụ, excuse me), titles names (danh từ tên riêng), đại từ, address, forms,...

b) Các thành phần hỗ trợ ngoài (Supportive moves) (b)

Thành phần kế tiếp là Supportive moves (b) có thể đứng trước hoặc theo sau Head Act hoặc nằm ngoài câu chứa HĐNT với chức năng chính là làm tăng lên hoặc giảm nhẹ ý nghĩa của lực ngôn trung (ví dụ như: đưa ra lí do của hành động).

c) Các thành phần hỗ trợ trong (Internal modifiers) (c)

Tương tự như vậy, các thành phần bổ trợ trong PNCK (internal modifiers) (c) cũng là các thành phần có liên quan đến Head Acts cầu khiến tuy sự hiện diện của nó chưa hẳn là dấu hiệu nhận biết các PNCK (Faerch & Kasper, 1989).

2.2.1.3. Các mô hình cấu trúc của phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong “Gone with the wind”

Thông kê từ nguyên gốc tác phẩm “Gone with the wind”, chúng tôi thu thập được 532 PNCK chính danh thuộc chiến lược cầu khiến cạnh tranh trực tiếp, chiếm quá nửa tổng số các PNCK trong toàn tác phẩm. Trong đó, có 433 PNCK thuộc tiểu nhóm thức mệnh lệnh (*Mood Derivable*), 6 PNCK có biểu thức ngôn hành hiển ngôn (*Explicit performatives*), 57 PNCK có cấu trúc thể hiện sự ép buộc/ sai khiến (*Locution Derivable*) và 36 PNCK có cấu trúc bày tỏ mong muốn (*Want statement/ Scope Stating*). Hơn nữa, theo số liệu được thống kê có 160 PNCK không chính danh trong nguyên bản. Trong đó, 5 PNCK có biểu thức ngôn hành hàm ẩn, 37 PNCK có cấu trúc Rủ/ Gọi ý, 7 PNCK có điều kiện chuẩn bị, 101 PNCK thể hiện ẩn ý mạnh và 10 PNCK thể hiện ẩn ý mờ.

2.2.2 Hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến cạnh tranh trong “Gone with the wind”

2.2.2.1 Hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến cạnh tranh chính danh

Theo thống kê, có 673 PNCK chính danh thuộc nhóm PNCK cạnh tranh (khiến cao) trong đó bao gồm 532 PNCK chính danh thuộc tiểu nhóm Ra lệnh và 141 PNCK chính danh thuộc tiểu nhóm Can ngăn sẽ được chúng tôi trình bày chi tiết dưới đây:

Các PNCK chính danh thuộc tiểu nhóm Ra lệnh

Nhóm 1: Thức mệnh lệnh (Mood Derivable)

V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (9) Get out of here! (6): *Cút khỏi đây ngay (DT,15)*

V(Head-Act)

Nhóm 2: Biểu thức ngôn hành hiển ngôn (Explicit Performatives)

S + V (Head-Act) + (O) + (to Vo) + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (10) I am asking you for it. (175): *tôi kêu gọi các vị về chuyện ấy (DT, 275)*

S V O

Nhóm 3: Locution Derivable (Tương đương với Sai/ sai khiến)

S + must /have to /need to/ have got to + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (11) You must kiss Scarlet, Ashley. (126): *Asli anh phải hôn Xcarlét đi chứ.*

S V (a)

Nhóm 4: Want Statement (Biểu thị sự mong muốn)

S + want/ wish/ hope/... + (O) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (12) I want to marry you (102): *Tôi muốn cưới em (DT, 2)*

S V

Các PNCK chính danh thuộc tiểu nhóm Can ngăn

Don't (you) + Verb (Head-Act) + O + (a) + (b) + (c)

Stop + V-ing (Head-Act) + O + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (13) oh, don't tease me now! (111): *lúc này đừng có trêu em!* (DT, 176)

(a) V O

2.2.2.2 Hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến cạnh tranh không chính danh

51 PNCK cạnh tranh không chính danh được chia thành hai nhóm, trong đó có 30 PNCK không chính danh thuộc tiểu nhóm Ra lệnh và 21 PNCK không chính danh thuộc tiểu nhóm Can ngăn

Các PNCK không chính danh thuộc tiểu nhóm Ra lệnh

Biểu thức ngôn hành hàm ảm (Hedged Performatives):

Do/Will/ Would/ Could...+(not) + S + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)?

S + will + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (14) Please, Mrs Wilkes, do you speak a minute with me? (235): *Thưa bà Uylkz, xin bà nói mấy tôi một phút* (DT, 370)

Điều kiện chuẩn bị (Query Preparatory/ Reference to preparatory condition):

Will + You + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)?

Can/ Could/May + S + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)?

(15) Will you please leave me - or will it be necessary for me to call my carriage and go home to get rid of you?

(chương 9: 179): *Ông có vui lòng để tôi yên...* (DT, 281)

Ấn ý mạnh (Strong hint):

(16) Oh, damn your memory and your bad manners. (chương 38: 647): *Ôi, quỉ bắt cái trí nhớ và những cung cách khả ố của anh đi!* (DT, 248)

Ấn ý mờ (Mild Hints)

(17) Come off your high horse, Miss. (681): *Bỏ cái lối đó đi* (VKT, 181)

2.2.3 Hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến hoà đồng trong “Gone with the wind”

Tương tự như PNCK cạnh tranh, chúng tôi tổng kết trong tác phẩm có 109 PNCK thuộc nhóm PNCK hoà đồng bao gồm 37 phát ngôn Rủ và 72 phát ngôn Khuyên. Tất cả các PNCK này đều là các PNCK không chính danh thuộc CLCK gián tiếp.

Các PNCK không chính danh có cấu trúc Rủ/ Gợi ý (37 phát ngôn)

Let us (Let's) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

(18) Let's ride across the swamp to Able Wynder's place and tell him we're all four home again and ready for drill (Chương 1:16): *Ta hãy phóng ngựa qua đầm lầy đến chỗ EU* (DT, 31)

Các PNCK không chính danh có cấu trúc Khuyên

Theo tổng hợp, tác phẩm có 72 PNCK có cấu trúc khuyên được thống kê, trong đó có 52 PNCK có cấu trúc Khuyên điển hình và 20 PNCK có đa dạng cấu trúc thể hiện ý Khuyên.

- Đối với ngôi thứ nhất

S1 + think/ should like/ suppose+ S2 + should/ would + (not) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

(19) I think we should go and help to make it a success, all of us. (157): *Cháu nghĩ là chúng ta nên đi để góp phần cho thành công hơn, tất cả mọi người chúng ta. (VKT, 181)*

- Đối với ngôi thứ hai

S + Had better/ Better/ Should/ Ought + (not) + To V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (20) **You'd better** write Mrs Tarleton about that, too. Wrap up my lunch, child (315): *Thôi, gói đồ ăn cho chú đi (VKT, 349)*

2.4. So sánh hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến trong “Gone with the wind”

2.4.1 So sánh hình thức biểu hiện của 2 nhóm phát ngôn cầu khiến cạnh tranh và hoà đồng

Dựa trên kết quả khảo sát ở mục 2.2, chúng tôi nhận thấy rằng, PNCK cạnh tranh và hòa đồng đều có thể phân tích được theo mô hình của Blum Kulka.

2.4.2 Dẫn cứu: So sánh hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến Ra lệnh và Rủ/ Gọi ý

2.4.2.1. Hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến nhóm ra lệnh (Order)

Mô tả cấu trúc của các PNCK thuộc nhóm Mệnh lệnh thức

Theo thống kê, 416 trường hợp mệnh lệnh thức cầu khiến theo thống kê đều có thể được phân tích theo mô hình cấu trúc của Blum Kulka và sự xuất hiện thêm các thành phần hỗ trợ đi kèm với Head Act càng làm giảm nguy cơ đe dọa thể diện người nghe hơn so với trường hợp PNCK chỉ có hành động chính Head Act trong phát ngôn.

a) Head Act (bao gồm các PNCK chỉ có hành động chính): 130 phát ngôn

Ví dụ: (21) Get out of here! (chương 1: 6): Cút khỏi đây ngay (DT, 15)

b) Head Act + a: 162 phát ngôn

Ví dụ: (22) Come on, *daughter* (31): Thôi nào, mèo con (DT, 53)

(23) *You*, Rosa. Drap me Miss S's shawl. (Chương 2: 23): Ném cho ta cái khăn của cô Xcarlét (DT, 40)

c) Head Act + b : 55 phát ngôn

(24) Pack up. *We're going to Savannah* (50): Chuẩn bị hành lý, chúng ta đi Xavanno (DT, 84)

d) Head Act + c: 5 phát ngôn

Ví dụ: (25) *Please* come! *Please!* (345): Lên đây, chị! Xin chị lên đây hộ! (DT, 541)

e) Head Act + a + b: 56 phát ngôn

Ví dụ: (26) Come in, *Scarlett*. *I'm going over the books* (874): Vào đây đi, Xcarlét. Tôi đang kiểm tra sổ sách. (DT, 597)

f) Head Act + a + c: 5 phát ngôn

Ví dụ: (27) *Please* go, now (195): Bây giờ xin ông về cho. (VKT, 226)

g) Head Act + b+c: 2 phát ngôn

Ví dụ: (28) *Please* tell me all about it and you can explain what I don't understand. (560): Xin anh kể hết cho tôi, chỗ nào tôi không hiểu thì anh giải thích (DT, 117)

h) Head Act + a+ b+c: 1 phát ngôn

Ví dụ: (29) Pa, please ride behind us or in front of us. You kick up such a heap of dust that we're choking. (88):
Ba, ba nên cưỡi ngựa đằng sau hay phía trước chúng con (VKT, 105)

2.4.2.2. Hình thức biểu hiện của các phát ngôn cầu khiến nhóm Rủ/gợi ý

Theo phân tích, cấu trúc của các PNCK thuộc nhóm gợi ý cũng theo mô hình của Blum Kulka.

a) Head Act: 1 Phát ngôn

Ví dụ: (30) Come to bed. (618): Mình đi ngủ đi thôi. (DT, 204)

b) Head Act + a: 3 phát ngôn

Ví dụ: (31) Good afternoon. Drive on, Peter. (640): Cho xe đi tiếp đi, bác Pitor (DT, 237)

c) Head Act + b: Không có phát ngôn nào thuộc trường hợp này.

d) Head Act + c: 14 phát ngôn

Ví dụ: (32) **Do** let's get on!: ta đi tiếp thôi! (DT)

e) Head Act + a + b: 1 phát ngôn

Ví dụ: (33) Sugar, come to bed. You must be chilled. You are shaking. (617): Cung ạ, mình đi nằm đi. (DT, 203)

f) Head Act + a+c: 9 phát ngôn

Ví dụ: (34) Well, let's go over to Cade Calvert's and have supper (15): *Thôi, ta đến nhà K C ăn tối vậy (DT, 28)*

g) Head Act +b+c: 4 phát ngôn

Ví dụ: (35) Let's sit here in the hall where it's cool. There's a nice draught through here (680): *Ta hãy ngồi ở tiền sảnh này cho mát. (DT, 298)*

h) Head Act +a +b +c: 5 phát ngôn

Ví dụ: (36) Oh, for goodness' sake, let's walk over and look out the window. I don't want her to catch me now (186): *Trời ơi, mình ra chỗ cửa sổ đi. (VKT, 215)*

2.4.2.3. So sánh hình thức biểu hiện của 2 nhóm

Phân tích số liệu, có thể kết luận ngắn gọn rằng đối với nhóm Ra lệnh càng thêm sự xuất hiện của các thành phần hỗ trợ đi kèm Head Act như (a), (b), (c) càng làm giảm mức độ đe dọa thể diện của người nói đối với người nghe, còn đối với nhóm Gợi ý không những không đe dọa thể diện người nghe mà càng làm tăng thêm tính lịch sự của lời gợi ý. Tính lịch sự này cao hơn hẳn so với nhóm Ra lệnh và làm giảm khoảng cách giữa người nói với người nghe và cải thiện mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người nghe khó có thể từ chối lời gợi ý thực hiện hành động của người nói.

CHƯƠNG 3: KHẢO SÁT CÁCH CHUYỂN DỊCH CÁC PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN TIẾNG ANH QUA BẢN DỊCH CỦA DƯƠNG TƯỜNG

3.1. Khái quát về cách dịch các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh sang tiếng Việt trong bản dịch của Dương Tường

3.1.1 Cơ sở đánh giá dịch tương đương phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong bản dịch của Dương Tường

Tiêu chí đánh giá

Dựa vào các kiểu cấu trúc đã phân tích, chúng tôi khảo sát cách dịch tương đương các PNCK giữa văn bản nguồn và văn bản đích lần lượt theo 4 tiêu chí sau: *Tương đương về nghĩa thông báo, tương đương về nghĩa biểu hiện, tương đương về lịch sự và tương đương về ngữ pháp (hình thức biểu hiện của Head Act và các YBTB).*

a) *Tương đương về nghĩa thông báo/ hành động ngôn ngữ*

Ví dụ: (37) Come on in de house, Miss S. (22): *Vào nhà đi, Xcarnet (DT, 40)*

b) *Tương đương nghĩa biểu hiện:*

Ví dụ: Tương đương về nghĩa hành động

(38) Go back to bed. (420): *Đi vào giường nằm đi. (DT, 656)*

Ví dụ: Tương đương về nghĩa quá trình

(39) Well, speak up. (420): *Kìa, nói đi chứ (DT, 663)*

c) *Tương đương về lịch sự*

Ví dụ: Tương đương về tính lịch sự

(40) Both of you-all of you must come. (157): *Cả hai - tất cả mấy cô cháu đều phải đến đây (DT, 245)*

Ví dụ: Không tương đương về tính lịch sự

(41) Pray go on with your discourse (851): *Xin cô tiếp tục bài đit-cua của cô đi (DT, 560)*

d) *Tương đương về hình thức biểu hiện của Head-act và các YBTB*

Ví dụ: Tương đương

(42) Hush, I am asking you to marry me. (792): *Suyt. Tôi đang ngỏ lời cầu hôn với cô đây. (DT, 467)*

Ví dụ: Không tương đương

(43) You must kiss Scarlett, Ashley. She's my sister now (126): *Asli anh phải hôn Xcarlét đi chứ. (DT, 201)*

3.1.2 Các cách dịch tương đương phát ngôn cầu khiến trong bản dịch của Dương Tường

3.1.2.1 Phân loại các cách dịch tương đương

Dựa vào 4 tiêu chí vừa trình bày, chúng tôi phân loại các cách dịch tương đương như sau:

A) *Dịch tương đương hoàn toàn:* Các PNCK được đánh giá là tương đương hoàn toàn nếu đáp ứng cả 4 tiêu chí a), b), c) và d)

Ví dụ: (44) Well, speak up. (32): *Nào, nói đi (DT, 54)*

B) *Dịch tương đương bộ phận:* Ngoài ra các PNCK chỉ được đánh giá là tương đương bộ phận nếu chỉ đáp ứng các tiêu chí: B1 (a, b, c) hoặc B2 (a, b, d) hoặc B3 (a, b) hay chỉ có B4 (a), trong đó nhất thiết phải có tiêu chí (a) tương đương về nghĩa thông báo vì đây là dấu hiệu nhận biết PNCK.

Ví dụ: (45) Rhett! Rhett Butler! Come here! I want you to meet the most hard-hearted girl in Georgia. (92): *Ret! Ret Bất lơ! Lại đây! Mình muốn giới thiệu cậu với cô gái có trái tim rắn nhất bang Giorgia (DT, 147)*

C) *Dịch không tương đương:* Các PNCK được đánh giá là dịch không tương đương khi không đáp ứng cả 4 tiêu chí a, b, c, d với lý do bất khả dịch hoặc dịch giả dịch sai các PNCK trong nguyên bản.

Ví dụ: (46) Hush. (789): *Lau mặt đi, **cung** (463)*

3.1.2.2 Kết quả khảo sát cách dịch tương đương các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong bản dịch của Dương Tường

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng số lượng các PNCK thuộc hai nhóm PNCK cạnh tranh và hòa đồng được DT chuyển dịch tương đương hoàn toàn bằng phương pháp dịch nguyên văn với thủ pháp trực dịch, nhiều hơn hẳn số lượng các PNCK được chuyển dịch tương đương bộ phận và chỉ có một số rất ít PNCK được chuyển dịch không tương đương. Tuy nhiên trong quá trình chuyển dịch, mức độ tương đương hình thức và chức năng giảm dần từ nhóm cầu khiến cạnh tranh sang nhóm cầu khiến hòa đồng, từ các hình thức cầu khiến trực tiếp sang các hình thức cầu khiến gián tiếp.

3.2. Cách chuyển dịch các phát ngôn cầu khiến nhóm cạnh tranh

3.2.1 Cách chuyển dịch các phát ngôn cầu khiến chính danh

Diễn cứu các phát ngôn cầu khiến chính danh thuộc nhóm Ra lệnh (Order)

Tiểu nhóm Mệnh lệnh thức (Mood Derivable)

Chúng tôi thống kê có 433 PNCK chính danh thuộc tiểu nhóm mệnh lệnh thức (Mood Derivable) theo bảng phụ lục. Căn cứ vào mức độ tương đương theo 4 tiêu chí a, b, c, d vừa phân tích trên đây, có thể phân chia cách dịch các PNCK chính danh này thành các kiểu:

A) Tương đương hoàn toàn

Tiếng Anh: **Head Act + O + (a) + (b) + (c)**

Chuyển dịch sang tiếng Việt: **V + O + (a) + (b) + (c)**

Ví dụ: (47) Get out of here! (6): *Cút khỏi đây ngay (DT, chương 1: 15)*

B) Tương đương bộ phận

Theo khảo sát, 166 PNCK chính danh thuộc nhóm này chỉ đáp ứng các tiêu chí: (a, b, c) hoặc (a, b, d) hoặc (a, b) hay chỉ có (a) được chúng tôi phân loại vào nhóm tương đương bộ phận.

B1) PNCK đáp ứng tiêu chí (a, b, c)

Ví dụ: (48) so take this and let's be hearing no more of it. (49): *Cho nên mi cầm lấy từng này cho xong, đừng để rác tai về chuyện ấy nữa (DT, 81)*

B2) PNCK đáp ứng tiêu chí (a, b, d)

Ví dụ: (49) Hold your whist, Puss!(33): *Im cái mồm, mèo con! (DT, 57)*

B3) PNCK đáp ứng tiêu chí (a,b)

Ví dụ: (50) Blow your nose, daughter (36): *Hỉ mũi đi! (DT)*

C) Dịch không tương đương: các PNCK chính danh không đáp ứng cả 4 tiêu chí

Ví dụ: (51) Hunt for him (352): *Mày có thể đứng ngoài phố mà gọi ông ấy (DT, 551)*

3.2.2 Cách chuyển dịch các phát ngôn cầu khiến không chính danh

1) Tiểu nhóm Thức Mệnh lệnh (Mood Derivable)

A) Tương đương hoàn toàn

Ví dụ: (58) Jeems! (chương 11: 11): *Jim! (DT, 23)*

B) Tương đương bộ phận

Ví dụ: (59) The lamp, please, Pork, and my prayer-book, Mammy (79): *Kéo thắp đèn xuống hộ nào, Pork, còn Mammy, lấy cho tôi quyển kinh* (DT, 105)

2) Các tiểu nhóm khác trong nhóm Order/ Ra lệnh

A) Tương đương hoàn toàn

DT áp dụng phương pháp dịch nguyên văn với thủ pháp dịch từng từ để chuyển dịch tương đương hoàn toàn 6 PNCK không chính danh trong nhóm này, đáp ứng cả 4 tiêu chí (a,b,c,d).

Ví dụ: (60) Now, do you feel that you must slap me to preserve the properties? (232): *Nào, cô có cảm thấy phải tát tôi để bảo toàn khuôn phép không?* (366)

B) Tương đương bộ phận

Ví dụ: Phát ngôn đáp ứng tiêu chí B1 (a,b,c)

(61) I see no need to discuss the subject.: *Ôi, vì lòng kính Chúa, cô đừng thờ ra cái giọng ấy nữa.* (DT, 181)

3.2.3 Nhận xét

Từ những phân tích ở trên, trong quá trình chuyển dịch các PNCK cạnh tranh thuộc tiểu nhóm Order (Ra lệnh/ yêu cầu), về mặt tương đồng, phần lớn các PNCK cạnh tranh chính danh đều được DT chuyển dịch tương đương hoàn toàn bằng phương pháp dịch nguyên văn hay cụ thể là thủ pháp trực dịch/ dịch từng từ. Ngoài ra, không thể không kể đến những điểm khác biệt được dịch giả áp dụng bằng đa dạng các phương pháp và thủ pháp khác nhau. Thực tế các PNCK trong tác phẩm cho thấy mức độ trực tiếp, gián tiếp hay mức độ đe dọa thể diện cao hay thấp phụ thuộc rất lớn vào mối quan hệ và vị thế giữa người nói và người nghe trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

3.3 Cách chuyển dịch các phát ngôn cầu khiến hoà đồng

Điển cứu Tiểu nhóm Rủ/ Gợi ý (Suggest)

A) Tương đương hoàn toàn

23 PNCK được dịch giả chuyển dịch tương đương hoàn toàn và đáp ứng cả 4 tiêu chí (a, b, c, d) đều thuộc chiến lược cầu khiến gián tiếp với ý đe dọa thể diện thấp đối với người nghe và tính lịch sự khéo léo cao trong phát ngôn.

Cấu trúc tiếng Anh: **Let us (Let's) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

Chuyển dịch sang tiếng Việt: **K2=D2+Vtck + V(p)**

Ví dụ: (62) We ain't going to fall out over a little thing like this, are we?: *Chúng ta không nên bắt hòa vì một chuyện vặt như thế này, phải không?* (DT, 402)

B) Tương đương bộ phận

(63) Now, let's have it (427): *Nào nói ta nghe xem.* (DT, 667)

C) Dịch không tương đương

Ví dụ: (64) let's call it square (IVXIV): *Coi thế là xí xóa mọi chuyện?* (DT, chương 44: 402)

3.4 Tiểu kết

Nhìn vào dữ liệu thống kê và kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng hầu hết các PNCK thuộc hai nhóm PNCK cụ thể này đều được DT chuyển dịch tương đương về hình thức và chức năng ngoài những trường

hợp chuyển dịch không tương đương (như đã phân tích ở trên). Tuy nhiên trong quá trình chuyển dịch, mức độ tương đương hình thức và chức năng giảm dần từ nhóm cầu khiến cạnh tranh sang nhóm cầu khiến hòa đồng, cụ thể từ tiểu nhóm Ra lệnh sang nhóm Gọi ý, từ các hình thức cầu khiến trực tiếp sang các hình thức cầu khiến gián tiếp.

CHƯƠNG 4: SO SÁNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁCH DỊCH CÁC PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN TIẾNG ANH CỦA DƯƠNG TƯỜNG VÀ VŨ KIM THƯ

4.1. So sánh cách dịch các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh của Dương Tường và Vũ Kim Thư

4.1.1. Kết quả khảo sát cách dịch tương đương các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh trong bản dịch của Dương Tường và Vũ Kim Thư

Theo thống kê, chúng tôi nhận thấy rằng số các PNCK được DT chuyển dịch tương đương hoàn toàn là 379 phát ngôn nhiều hơn 73 phát ngôn so với số các PNCK được VKT chuyển dịch tương đương hoàn toàn (306 phát ngôn). Ngược lại, 285 PNCK được VKT chuyển dịch tương đương bộ phận, nhiều hơn 75 phát ngôn được chuyển dịch tương đương bộ phận bởi DT (210 phát ngôn). Trong khi đó, số lượng các PNCK không được hai dịch giả chuyển dịch tương đương vẫn rất ít, lần lượt là 5 phát ngôn và 3 phát ngôn (DT chuyển dịch không tương đương nhiều hơn 2 phát ngôn so với VKT).

4.1.2 So sánh cách dịch các phát ngôn cầu khiến cạnh tranh chính danh và không chính danh (điểm cứu tiểu nhóm Ra lệnh/Order)

A) Tương đương hoàn toàn

Trong số 448 PNCK thuộc tiểu nhóm này, có 356 PNCK được DT chuyển dịch và 294 PNCK được VKT chuyển dịch đáp ứng cả 4 tiêu chí a, b, c, d, chiếm lần lượt 49,5 % và 65,6% trên tổng số. Về hình thức biểu hiện của Head Act, cả DT và VKT đều chuyển dịch tương đương về hình thức cú pháp theo cấu trúc cú pháp sau:

Tiếng Anh: **V (Head-Act) + O + (a) + (b) + (c)**

DT và VKT chuyển dịch sang tiếng Việt: **V + tiểu từ tình thái + (a) + (b) + (c)**

Ví dụ: (65) Drive on, Toby. (88): *Đi thôi, Toby.* (VKT, 105)/ *Đánh xe đi, Toby!* (DT, 141)

B) Tương đương bộ phận

Ví dụ: Phát ngôn đều được DT và VKT chuyển dịch tương đương bộ phận

(66) Oh, damn your memory and your bad manners (647): *Dịch vật cái trí nhớ và điệu bộ thô bỉ của ông!* (VKT, 150)/ *Ôi, quý bắt cái trí nhớ và những cung cách khở ố của anh đi!* (DT, 248)

Trong quá trình tổng hợp dữ liệu, chúng tôi nhận thấy rằng khi chuyển dịch các PNCK trong nhóm này, DT và VKT đã dùng các dấu hiệu chung để nhận diện như vị từ tình thái *hãy/hãy*, tiểu từ tình thái *đi, đã, nào, đi chớ...* mang tính áp đặt và đe dọa thể diện cao đối với người nghe. Hai dịch giả đã áp dụng thủ pháp *thêm hoặc bớt từ ngữ* để chuyển dịch và làm giảm tính lịch sự của PNCK, có ý đe dọa thể diện của người nói với người nghe

Tiếng Anh: **V (Head-Act) + O + (a) + (b) + (c)**

Chuyển dịch sang tiếng Việt: **(D2) + V + tiểu từ tình thái + (a) + (b) + (c)**

hoặc (D2) + *hãy* + V + (a) + (b) + (c)

Ví dụ: (67) Blow your nose, daughter (36): *Hỉ mũi đi, con* (VKT, 46)/ *Hỉ mũi đi!* (DT)

C) Dịch không tương đương

Ví dụ: (68) Hush. (789): *Thôi đừng khóc nữa.* (VKT, 286)/ *Lau mặt đi, cưng* (DT, 463)

4.1.3. So sánh cách dịch các phát ngôn cầu khiến hoà đồng không chính danh, điển cứu tiểu nhóm Rủ/

Gợi ý (Suggest)

A) Tương đương hoàn toàn

Trong số 37 PNCK thuộc tiểu nhóm này, có 23 PNCK được DT chuyển dịch và 12 PNCK được VKT chuyển dịch đáp ứng cả 4 tiêu chí a, b, c, d, chiếm lần lượt 62,2 % và 32,43 % trên tổng số. Phần lớn các phát ngôn thuộc nhóm Rủ đều được DT và VKT chuyển dịch tương đương không thiếu thành phần và được chuyển dịch theo cấu trúc sau:

Cấu trúc tiếng Anh: **Let us (Let's) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

DT và VKT chuyển dịch sang tiếng Việt: **K2=D2+Vtck + V(p)**

Ví dụ: (69) Ashley, let's run away!.: *Ashley, mình cùng bỏ trốn nghe anh!* (VKT, 18): *Asli, chúng ta hãy bỏ trốn.* (DT, 25)

B) Tương đương bộ phận

Theo khảo sát, chỉ có 12 PNCK được DT chuyển dịch tương đương bộ phận và số lượng các PNCK được VKT chuyển dịch tương đương bộ phận trong nhóm này gấp đôi số PNCK được DT chuyển dịch (24 PNCK).

Ví dụ: Phát ngôn đều được DT và VKT chuyển dịch tương đương bộ phận

(70) Come in the house, honey (678): *Thôi, vào nhà với bác đi!* (VKT, 179)/ *Ta vào nhà đi, cưng* (DT, 295)

C) Dịch không tương đương

Ví dụ: (71) let's call it square (IVXIV): *Coi thế là xí xóa mọi chuyện?* (Chương 44, 402)/ và việc này *kể như xong* (247)

4.2. Đánh giá cách dịch các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh của Dương Tường và Vũ Kim Thư

4.2.1. Đánh giá cách dịch của Dương Tường

4.2.1.1. Ưu điểm trong bản dịch của Dương Tường

Thời kì 1955-1975, Việt Nam đang trong giai đoạn chiến tranh, đất nước phân chia hai miền Nam – Bắc, đến tận ngày 30 tháng 4 năm 1975 mới giải phóng miền Nam, thống nhất Đất Nước. Thời điểm tác giả dịch “*Cuốn theo chiều gió*” là những năm 1987-1988, đây là thời kì đổi mới của xã hội (1986-nay). Thời kì này công cuộc đổi mới được phát hành toàn diện, tình hình kinh tế đã được cải thiện đáng kể.

Dưới ảnh hưởng của kinh tế xã hội Việt Nam trong thời kì đổi mới, theo nhận định cá nhân, chúng tôi nhận thấy tư tưởng dịch thuật của Dương Tường có nét giống truyền thống dịch của nhóm Hàn Thuyên trước đây. Khi dịch, các tác giả đặc biệt chú ý đến đặc trưng riêng về ngữ nghĩa, thứ nhất là diễn đạt tình thái; thứ hai, tuy là dịch ngôn ngữ văn xuôi nhưng rất chú ý đến sự hòa phối âm thanh, nhịp điệu và ngữ điệu, dịch văn xuôi mà đọc như thơ.

4.2.1.2. Những điểm hạn chế trong bản dịch của Dương Tường

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh của DT, chúng tôi cũng nhận thấy còn một vài hạn chế trong quá trình dịch giả chuyển dịch các PNCK tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ví dụ: (72) Look, Scarlet. Sit with us at the barbecue in the morning (10): *Này, Xcarlét, trong bữa tiệc ngoài trời ban sáng, cô ngồi với bọn này nhé? (DT, chương 1: 20)*

Theo đánh giá cá nhân, chúng tôi cho rằng trong trường hợp này dịch giả DT dùng dấu hỏi sai. Theo như phân tích ở chương 1, từ “nhé” là thái từ cầu khiến, đây là dấu hiệu nhận diện câu cầu khiến trực tiếp không phải là câu hỏi. Theo nghiên cứu, đối với các phát ngôn thể hiện ý cầu khiến không được đánh dấu hỏi.

Ví dụ: (73) You'll take care of Melanie, won't you? (310): *Xcarlét sẽ trông nom Meloni nhé. (DT, 485)*

(74) You'll take care of her, won't you? (377): *Xcarlét sẽ chăm sóc Meloni nhé? (DT, 590)*

Trong trường hợp (73), DT chuyển dịch PNCK gián tiếp sang PNCK trực tiếp được nhận diện với thái từ “nhé” và đạt được mục đích cầu khiến, nhưng thêm từ “sẽ” là sai vì “sẽ” không được xuất hiện trong các PNCK. Trong trường hợp (74), nếu DT không dịch (74) “Xcarlét sẽ chăm sóc Meloni nhé? (590) mà dịch như câu hỏi đuôi trong văn bản nguồn “Anh sẽ chăm sóc chị ấy, có phải không?” thì nội dung chuyển dịch người Việt nghe sẽ thấy “chối tai”. Mặc dù trong trường hợp này, DT chuyển dịch thuận tai hơn nhưng việc thêm dấu hỏi cuối câu cầu khiến và sự xuất hiện của “sẽ” trong PNCK là không đúng.

Bên cạnh đó, trường hợp ví dụ (75), DT cũng thêm từ “sẽ” với nghĩa tương lai làm giảm đi mức độ đe dọa thể diện đó. Đây là một lỗi chuyển dịch khác của DT vì phát ngôn có từ “sẽ” không phải là PNCK và việc chuyển dịch không tương đương này đã đánh mất ý nghĩa cầu khiến của PNCK trong nguyên bản.

Ví dụ: (75) Get out! (322): *Tôi sẽ đuổi anh ra cửa (DT, 506)*

4.2.2. Đánh giá cách dịch của Vũ Kim Thư

Khác với Dương Tường, Vũ Kim Thư sinh ra và lớn lên ở miền Nam. Tác giả dịch “*Cuốn theo chiều gió*” trong giai đoạn trước năm 1975. Đây là giai đoạn đất nước đang trong thời kỳ chiến tranh, phân chia 2 miền Nam – Bắc.

4.2.2.1. Ưu điểm trong bản dịch của Vũ Kim Thư

Bản dịch và phong cách dịch thuật của VKT có ảnh hưởng của văn phong miền Nam thể hiện tính thực tế, đặc biệt lại được hoàn thành trong giai đoạn khó khăn của đất nước. Phương pháp dịch phổ biến trong bản dịch là phương pháp dịch nguyên văn với thủ pháp trực dịch.

4.2.2.2. Những hạn chế trong bản dịch của Vũ Kim Thư

Tương tự như lỗi của dịch giả DT, VKT cũng dùng sai từ “sẽ” và từ “sắp” là dấu hiệu nhận biết của thời tương lai khi chuyển dịch các PNCK tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ví dụ: (76) Yes, put you to bed. And give you another drink (389): *Con sẽ đỡ ba vào giường và đưa rượu cho ba uống... ba uống hết bầu cũng được (VKT, 428)*

Thêm vào đó, có 1 trường hợp ví dụ (77) VKT lược bỏ hành động chính - V(Head-act) của PNCK và dịch sai tân ngữ (O) của động từ

Ví dụ: (77) Teach them a lesson they won't soon forget (101): Hãy **cho chúng tôi một bài học nhớ đời!** (VKT, 119)/ Hãy dạy cho chúng một bài học nhớ đời (DT, 160)

4.2.3 Nhận xét

Từ ưu nhược điểm trong hai bản dịch của hai dịch giả, chúng tôi nhận thấy rằng trong quá trình chuyển dịch nếu DT chú ý đến dịch nghĩa ngôn ngữ thì VKT lại đặc biệt chú trọng đến dịch ý ngôn ngữ. Trong luận án này, chúng tôi không đánh giá bản dịch nào hay hơn, chính xác hơn. Nếu độc giả muốn đọc để hiểu và cảm nhận chân thực tác phẩm sát với nguyên bản thì đọc bản của Vũ Kim Thu, còn đọc để thưởng thức văn học thì bản dịch của DT có vẻ mềm mại hơn, ông vẫn dịch sát ý nhưng lãng mạn hơn, không dịch trực dịch như Vũ Kim Thu.

PHẦN KẾT LUẬN

Luận án “*Nghiên cứu tương đương dịch thuật các phát ngôn cầu khiến Anh – Việt (qua so sánh nguyên bản tác phẩm Gone with the wind và 2 bản dịch tiếng Việt)*” là công trình nghiên cứu tương đương dịch thuật dựa trên ngữ liệu dịch các PNCK trong một tác phẩm văn học tiếng Anh sang tiếng Việt. Để nghiên cứu đề tài, luận án đã sử dụng các phương pháp miêu tả, phân tích điển ngôn và phương pháp so sánh cùng một số thủ pháp nghiên cứu khác (như phân loại, thống kê, phân tích ngữ cảnh và ngôn ngữ học xã hội). Tư liệu nghiên cứu của luận án là các PNCK tiếng Anh trong nguyên bản và các tương đương dịch thuật của chúng trong hai bản dịch của hai dịch giả Dương Tường và Vũ Kim Thu. Luận án đã đạt được những kết quả nghiên cứu sau:

1. Kết quả khảo sát các phát ngôn cầu khiến trong trong nguyên bản “Gone with the wind” về tình hình sử dụng, kiểu loại và hình thức thể hiện.

- Với quan niệm PNCK là các phát ngôn biểu hiện HDNT cầu khiến, luận án đã nhận diện các PNCK trong nguyên bản tiếng Anh dựa trên ba tiêu chí: 1) Hình thức biểu hiện (có biểu thức ngôn hành cầu khiến), 2) Nội dung cầu khiến (có đích ngôn trung cầu khiến) và 3) Ngữ cảnh sử dụng (quan hệ giữa người nói và người nghe và phản ứng của người nghe). Kết quả nhận diện cho thấy có 833 PNCK tiếng Anh được sử dụng trong nguyên tác đáp ứng từ 1 đến 3 tiêu chí nhận diện PNCK. Số cứ liệu được khảo sát thực tế lớn hơn nhiều so với số cứ liệu được trích dẫn (trong luận án, chúng tôi chỉ nêu những ví dụ tiêu biểu nhất) và 833 PNCK tiếng Anh này là kết quả chắt lọc từ 1573 phát ngôn có “đáng đáp cầu khiến” trong toàn bộ tác phẩm.

- Căn cứ vào sự khác biệt về mức độ đe dọa thể diện (lịch sự cao - thấp), trong số 833 PNCK tiếng Anh thống kê được, có 724 PNCK cạnh tranh (gồm 501 phát ngôn yêu cầu, ra lệnh, 61 phát ngôn sai khiến, 162 phát ngôn can ngăn) và 109 PNCK hòa đồng (trong đó có 37 phát ngôn Rủ và 72 phát ngôn Khuyên). Căn cứ vào sự khác nhau về chiến lược cầu khiến (trực tiếp – gián tiếp), luận án thống kê có 673 phát ngôn thuộc CLCK trực tiếp và 160 phát ngôn thuộc CLCK gián tiếp.

- Về hình thức biểu hiện, áp dụng có điều chỉnh mô hình nhận diện PNCK tiếng Anh của Blum Kulka và các cộng sự (1989), các PNCK nói chung trong nguyên bản tiếng Anh bao gồm hành động chính (Head Act) và các YTBT là các dấu hiệu gây chú ý trong PNCK (a), thành phần hỗ trợ ngoài (b) và thành phần hỗ trợ trong (c) của biểu thức rút gọn như sau: **Head Act (+a) (+b) (+c).**

* Các PNCK cạnh tranh chính danh có hình thức biểu hiện sau đây:

+ Thức mệnh lệnh: **V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

+ Biểu thức ngôn hành hiển ngôn: **S + V (Head-Act) + (O) + (to Vo) + (a) + (b) + (c)**

+ Sai/ Sai khiến: **S + must /have to /need to/ have got to + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

+ Biểu thị sự mong muốn: **S + want/ wish/ hope/... + (O) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

+ Can ngăn: **Don't (you) + Verb (Head-Act) + O + (a) + (b) + (c)**

Stop + V-ing (Head-Act) + O + (a) + (b) + (c)

* Các PNCK cạnh tranh không chính danh có hình thức biểu hiện như sau:

+ Biểu thức ngôn hành hàm ẩn:

Do/Will/ Would/ Could...+(not) + S + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)?

S + will + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)

+ Điều kiện chuẩn bị:

Will + You + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)?

Can/ Could/May + S + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)?

+ Ấn ý mạnh: **Danh từ nói chung/ Danh từ chỉ tên riêng/ đại từ chỉ định + ngữ điệu mạnh**

+ Ấn ý mờ: **Có cấu trúc cản ngăn hoặc cấu trúc sai khiến**

* Các PNCK hòa đồng không chính danh có hình thức biểu hiện sau đây:

+ Cấu trúc rủ/ gợi ý: **Let us (Let's) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

+ Cấu trúc khuyên:

Đối với ngôi thứ nhất: **S1 + think/ should like/ suppose+ S2 + should/ would + (not) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

Đối với ngôi thứ hai: **S + Had better/ Better/ Should/ Ought + (not) + To V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các PNCK có biểu thức cầu khiến hàm ẩn thuộc CLCK gián tiếp quy ước chứ không thuộc CLCK trực tiếp như các nghiên cứu trước đây. Hơn nữa, trong các nghiên cứu trước đó, hay cụ thể trong nghiên cứu của Blum Kulka, CLCK gián tiếp quy ước được sử dụng phổ biến nhất trong PNCK ở hầu hết các nước được nghiên cứu thì trong nghiên cứu này, CLCK trực tiếp lại được ưu tiên hơn cả mặc dù mức độ đe dọa thể diện người nghe cao và tính lịch sự trong PNCK của người nói thấp hơn hẳn. Rõ ràng, trong tác phẩm này, mục đích cầu khiến khác hẳn với văn hóa ưu tiên tính lịch sự trong cầu khiến của các nước được nghiên cứu trước đó, và mức độ đe dọa thể diện của các PNCK trong tác phẩm là rất cao.

Ngoài ra, khi khảo sát các trường hợp đặc biệt thuộc tiểu nhóm Mệnh lệnh thức, luận án cho thấy có những PNCK không thấy sự xuất hiện của Hành động chính (Head Act) nhưng danh từ chung, danh từ chỉ tên riêng hay đại từ chỉ định với ngữ điệu mạnh trong phát ngôn vẫn có thể thể hiện lực ngôn trung cầu khiến. Trong các trường hợp này, sắc thái cầu khiến phụ thuộc vào ngữ cảnh. Đó là những PNCK “đặc biệt” chưa có đủ các thành phần “nòng cốt” (chủ ngữ - vị ngữ) và biểu thị ý nghĩa không trọn vẹn, không rõ ràng. Tuy nhiên, trong hoạt động giao tiếp, có rất nhiều phát ngôn mà không thể quy về các mô hình câu hay quy về hình thức của mô hình cấu trúc cú pháp cụ thể như đã phân tích. Trong ngữ pháp truyền thống (ngữ pháp câu), những trường hợp đó được coi đó là những hiện tượng không chuẩn mực, không điển hình. Nhưng trong hoạt động

giao tiếp, những biểu hiện phong phú về biểu đạt đó là nét đẹp, sự đa dạng và uyển chuyển trong cách diễn đạt của các nhà văn và là sự linh hoạt trong hoạt động ngôn ngữ của con người. Đây chính là thực tiễn giao tiếp sinh động, là cái hay và đồng thời cũng là điều phức tạp dưới góc độ phân tích ngữ pháp – ngữ nghĩa, phân tích diễn ngôn, dưới ánh sáng của ngôn ngữ học hiện đại.

2. Kết quả khảo sát cách thức chuyển dịch các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh sang tiếng Việt của Dương Tường và Vũ Kim Thư

- Khảo sát cách chuyển dịch của DT đối với các loại PNCK, kết quả điển cứu cho thấy 594 PNCK tiếng Anh được DT chuyển dịch sang thành 591 PNCK tiếng Việt. Trong đó, 379 PNCK được DT chuyển dịch tương đương hoàn toàn, 210 PNCK được chuyển dịch tương đương bộ phận và 5 PNCK không được chuyển dịch tương đương. Trong quá trình chuyển dịch, mức độ tương đương hình thức và chức năng giảm dần từ nhóm cầu khiến cạnh tranh sang nhóm cầu khiến hòa đồng, từ các hình thức cầu khiến trực tiếp sang các hình thức cầu khiến gián tiếp.

- Khảo sát cách chuyển dịch của VKT đối với các loại PNCK, chúng tôi nhận thấy rằng 594 PNCK tiếng Anh được VKT chuyển dịch sang thành 592 PNCK tiếng Việt. Trong đó, 306 PNCK được VKT chuyển dịch tương đương hoàn toàn, 285 PNCK được chuyển dịch tương đương bộ phận và 3 PNCK không được chuyển dịch tương đương.

* Cách dịch các PNCK cạnh tranh chính danh và không chính danh (điển cứu tiêu nhóm Ra lệnh)

Tiếng Anh: **V (Head-Act) + O + (a) + (b) + (c)**

DT và VKT chuyển dịch sang tiếng Việt:

(D2) + V+ tiểu từ tình thái + (a) + (b) + (c)

hoặc (D2) + hãy +V + (a) + (b) + (c)

* Cách chuyển dịch các phát ngôn cầu khiến hoà đồng không chính danh (điển cứu tiêu nhóm Rủ/ Gợi ý (Suggest))

Cấu trúc tiếng Anh: **Let us (Let's) + V (Head-Act) + (a) + (b) + (c)**

DT và VKT chuyển dịch sang tiếng Việt: **K2=D2+Vtck + V(p)**

-So sánh cách chuyển dịch các loại PNCK của VKT với cách chuyển dịch của DT, luận án chỉ ra rằng số lượng lớn các PNCK thuộc hai nhóm PNCK cạnh tranh và hòa đồng đều được DT và VKT chuyển dịch tương đương hoàn toàn về hình thức và chức năng, lần lượt chiếm 63,8% và 51,5% so tổng số PNCK trong tác phẩm, và rất ít trường hợp được chuyển dịch không tương đương (chỉ chiếm 0,84% và 0,5%), số còn lại được chuyển dịch tương đương bộ phận. Ngoài ra, có một số trường hợp DT chuyển dịch tương đương hoàn toàn thì VKT lại chuyển dịch tương đương bộ phận và ngược lại. Cụ thể, trong quá trình phân tích, chúng tôi thấy rằng mệnh lệnh thức có thể thể hiện yêu cầu đề nghị, cũng có thể thể hiện lời rủ/ gợi ý. Như vậy, hình thức biểu hiện của PNCK có thể dùng cho các loại câu cầu khiến khác nhau như Ra lệnh, Gợi ý và trong trường hợp này, chúng ta phải phân loại theo đích ngôn trung của phát ngôn. Hơn nữa, mặc dù khảo sát PNCK về mức độ đe dọa thể diện và tính lịch sự nhưng trong toàn bộ tác phẩm chỉ có 12 PNCK sử dụng YTBT là “please” để thể hiện tính lịch sự cao. Rõ ràng có sự khác biệt lớn giữa tiếng Anh của thể kỉ trước và khẩu ngữ trong thực tiễn sử dụng

tại thời điểm hiện tại. Trong giao tiếp thường ngày, các nước phương Tây vô cùng lịch sự khi sử dụng PNCK. Ngoài các cấu trúc diễn giải vòng vo gián tiếp thì *Please* rất hay được sử dụng và dùng nhiều nhất trong những trường hợp ít nhiều có tính chất nghi thức. Khi người nói muốn tỏ ra lịch sự nhất, thương mến nhất đối với người nghe người ta dùng *Please* thể hiện sự tôn trọng lịch sự âm tính giữa người nói và người nghe. Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, so với các PNCK tiếng Anh, dù là mệnh lệnh hay không mệnh lệnh, cầu khiến hay không cầu khiến thì tiếng Việt vẫn có tình thái đậm đặc hơn tiếng Anh và tương đương về nghĩa tình thái được ưu tiên hơn cả so với ngữ nghĩa. Khi chuyển dịch, mặc dù nguyên bản có *Please* hay không thì trong bản dịch tiếng Việt “*xin*” vẫn được sử dụng tương đối nhiều trong các PNCK mang tính lịch sự rất cao. Tuy nhiên, trong tiếng Anh có trường hợp ngoại lệ, để nhấn mạnh hành động chính, tác giả sử dụng *do* trước động từ như *I do hope that* hay *Do tell me*. Rất tiếc, khi chuyển dịch, trong tiếng Việt nói chung hay ngay cả trong bản DT và VKT, không có phương thức nào chuyển dịch được “*do*” mang ý nghĩa nhấn mạnh như trong nguyên bản.

- Về quan hệ liên nhân trong giao tiếp, luận án này đặc biệt chú ý đến cách lựa chọn từ xưng hô trong quá trình phân tích PNCK theo hình thức biểu hiện. DT chọn từ xưng hô *anh – em* trong khi VKT chọn từ xưng hô *cô – tôi* cho mối quan hệ của hai nhân vật chính Scarlet và Rhett Butler. Hai cách lựa chọn từ xưng hô khác nhau giữa các nhân vật của dịch giả đã thể hiện thái độ khác nhau của hai dịch giả xuyên suốt tác phẩm. Là người thứ ba đứng bên cạnh tác phẩm, DT chọn cách xưng hô *anh – em* làm cho mối quan hệ giữa các nhân vật chính trở nên gần nhau hơn, xóa bớt khoảng cách, giảm mức đe dọa thể diện của nhau nhiều hơn so với Vũ Kim Thư. Rõ ràng quan hệ liên nhân trong giao tiếp của người Việt được đề cao hơn các nước nói tiếng Anh, do bản thân *I – You* không thể hiện hết được ý nghĩa của các mối quan hệ liên nhân này trong ngữ cảnh.

- Từ thực tế nghiên cứu, luận án chỉ ra các **nhân tố chi phối** dịch tương đương phát ngôn Anh – Việt ở hai bản dịch tiếng Việt. Trước hết, **ngữ cảnh** là trục cân bằng của cuộc hội thoại và cơ sở nảy sinh giao tiếp. Trong quá trình chuyển dịch, các dịch giả đặc biệt chú ý đến **ngữ cảnh giao tiếp** và **ngữ cảnh tình huống** xảy ra giữa các nhân vật. Và về đặc điểm này, DT đã thể hiện rõ nét hơn VKT khi ông dùng ngôn ngữ địa phương trong quá trình chuyển dịch. Những âm DT cố tình viết sai chính tả giúp phân biệt rõ hoàn cảnh văn hóa, tính cách và vị thế giao tiếp khác nhau của các nhân vật. Rõ ràng, hoàn cảnh văn hóa, lịch sử và cách sống của dịch giả cũng ảnh hưởng đến phong cách dịch và thể hiện rõ ý đồ của dịch giả. DT cũng chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ và văn hóa địa phương thời điểm sinh thời của dịch giả. Trong các PN can ngăn đôi lúc DT không dùng “*dùng*” mà dùng “*khởi phải xuống*” hay dùng “*hững*” thay cho “*hãy*” trong các PN yêu cầu, đề nghị. Tuy các trường hợp này rất ít dùng trong chuyển dịch nhưng ít nhiều cũng giúp chúng tôi nhận thấy nét văn hóa khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam, giữa ngôn ngữ văn học của thế kỉ trước và ngôn ngữ hiện đại trong hai bản dịch của hai dịch giả. Về các YTBT, trong các nghiên cứu trước đây của Blum Kulka và các cộng sự (1989), sự xuất hiện càng nhiều các YTBT đi theo hành động chính (Head Act) thì tính lịch sự càng tăng. Tuy nhiên luận án cho thấy đôi khi sự xuất hiện thêm nhiều các YTBT không làm tăng nhưng cũng không làm giảm tính đe dọa thể diện đối với người nghe. Trong các tình huống này, để lột tả sát **tính lịch sự và tình thái** so với nguyên bản, dịch giả phải chú ý đến **yếu tố quan hệ liên nhân** và cả **ngữ điệu** của PNCK.

Như vậy, các nền văn hóa khác nhau có thể bao gồm những ngôn ngữ đặc biệt để thực hiện PNCK tiềm ẩn lực ngôn trung khác nhau. Nói cách khác, các HĐNT trong mỗi ngôn ngữ đều có phạm vi nhận diện khác biệt, thể hiện tính đa dạng của các hành động nói. Do đó, đòi hỏi các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và bản thân người bản ngữ nói riêng cần phải linh hoạt trong quy tắc ứng xử để giải quyết tối ưu nhất các tình huống giao tiếp khác biệt do hoàn cảnh giao tiếp tạo ra, phải phát triển cả năng lực giao tiếp và năng lực ngữ dụng mới đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp khi sử dụng các PNCK.

3. Những hạn chế trong quá trình nghiên cứu đối chiếu tương đương dịch thuật Anh – Việt, cụ thể là dịch tác phẩm văn học

Dựa vào các kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu và ngôn ngữ trước đó, chúng tôi vận dụng và xác lập cơ sở lý thuyết để nhận diện PNCK tiếng Anh và tiếng Việt cho việc nghiên cứu tương đương dịch thuật các PNCK Anh – Việt. Tuy nhiên, trong quá trình mô tả, phân tích và đánh giá dữ liệu, từ lý thuyết đến thực tế nghiên cứu chúng tôi vẫn gặp phải những hạn chế nhất định:

- Ngay trong bản thân nguyên bản, những phát ngôn mang “dáng dấp cầu khiến” rất nhiều gây khó khăn trong quá trình nhận diện và phân loại. Trong luận án này, chúng tôi chỉ thống kê các PNCK tiếng Anh trong các cuộc đối thoại trực tiếp, được thực hiện ở thời điểm nói (hiện tại), mà không liệt kê các PNCK trong suy nghĩ của nhân vật hay những lời nhắc lại.
- Các tiêu chí đánh giá tương đương dịch thuật theo cặp lưỡng phân đối lập hình thức với nội dung là quá rộng nên chúng tôi chỉ giới hạn khảo sát tương đương theo các tiêu chí luận án đã phân tích, nên không tránh khỏi chưa có cái nhìn khái quát nhất đối với cách chuyển dịch tương đương của hai dịch giả. Đặc biệt đây là tác phẩm văn học, năng lực cảm thụ văn học và ngôn ngữ của chúng tôi còn hạn chế.
- Những đánh giá đối với những điểm mạnh và hạn chế của Dương Tường và Vũ Kim Thư vẫn còn mang tính chủ quan.

4. Đề xuất và hướng nghiên cứu thêm

Do khuôn khổ có hạn của luận án, trong quá trình nghiên cứu tương đương dịch thuật các PNCK Anh – Việt, chúng tôi thấy còn một số vấn đề cần được nghiên cứu tiếp: *Thứ nhất*, luận án mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát và đánh giá cách chuyển dịch tương đương theo 4 tiêu chí chứ chưa nghiên cứu tất cả các tiêu chí đánh giá tương đương theo cặp lưỡng phân đối lập hình thức với nội dung. *Thứ hai*, luận án mới đi sâu điễn cứu tiểu nhóm Ra lệnh (Order) và tiểu nhóm Rủ/ Gọi ý như một trong những điển hình của nhóm PNCK cạnh tranh và hòa đồng, vấn đề còn bỏ ngỏ là nghiên cứu tất cả các tiểu nhóm trong hai nhóm lớn này để có cái nhìn tổng quan và khái quát nhất về cách chuyển dịch tương đương các PNCK Anh – Việt.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Tiếng Việt

1. Tran Thi Trung Hieu (2021), *Các PNCK tiếng Anh (nhóm gợi ý) trong nguyên bản tác phẩm “Gone with the wind” của Margaret Mitchell*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống số 4 (301) 2021, tr.36-43.

Tiếng Anh

1. Tran Thi Trung Hieu (2016), *Translation Quality Assessment by Newmark’s model with translation learning* – External Economics Review, Vol. 80/2016, Social Labor Publisher, ISSN 1859-4050, March 2016, p.50-59
2. Tran, H. (2020), *English Requests in “Gone with the wind” – Margaret Mitchell*. Journal of RATTANA PAÑÑĀ, 5(2), 213-225. Retrieved from <https://so06.tci-thaijo.org/index.php/BLJOU/article/view/244719>
3. Tran, H. (2020), *Duong Tuong’s Vietnamese Translation of Requests in Gone with the wind*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Dịch thuật thời đại 4.0 Đào tạo, nghiên cứu và thực tiễn, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, p.505-526
4. Tran, H. (2021), *English- Vietnamese Request Translation of Duong Tuong and Vu Kim Thu in the novel “Gone with the wind”*, American Journal of Educational Research. 2021, 9 (6), 376-381